

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ SỰ THÀNH BẠI CỦA CÁC QUỐC GIA

HỒ SĨ QUÝ *

Tóm tắt: Nhiều quốc gia thịnh vượng rồi suy vong. Điều đó nguyên do tại đâu và là tất nhiên hay chỉ là may rủi? Vì sao các quốc gia thất bại hay thành công trong điều kiện chẳng mấy khác nhau, có xã hội “hóa hổ, hóa rồng”, trong khi các quốc gia khác vẫn đói nghèo, lạc hậu? Khoa học xã hội, với trình độ hiện đại của mình, đang cố gắng trả lời những câu hỏi này. Theo tác giả bài viết khoa học xã hội đến nay đã trả lời ít nhiều thuyết phục về nguyên nhân hưng vong của các xã hội cổ xưa; những câu trả lời của các học giả như Jared Diamon, Daron Acemoglu, James Robinson⁽¹⁾ cũng mới chỉ là giả thuyết, còn cần phải được phản biện, kiểm chứng và lý giải làm sâu sắc thêm.

Từ khóa: Khoa học xã hội, công nghiệp hóa, sự thành bại, Đông Á.

1. Ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là quốc gia bại trận, trở thành nước bị chiếm đóng, nền kinh tế xã hội hoang tàn và các giá trị dân tộc được gây dựng và khẳng định mãnh liệt từ thế kỷ XVIII - XIX trở thành mối hoài nghi. Nuốt nổi cay đắng của kẻ bại trận, với những kinh nghiệm công nghiệp hóa có từ trước chiến tranh, người Nhật quyết tâm làm lại nước Nhật bằng phát triển kinh tế. Và kết quả thật ngoạn mục. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình hằng năm từ năm 1945 đến năm 1950 đạt 9,4%, từ năm 1950 đến năm 1955 đạt 10,9%, từ năm 1955 đến năm 1987 đạt 7,1%. Năm 1952, khi thoát khỏi chế độ chiếm đóng của Mỹ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Nhật đã tương đương trước chiến tranh. Năm 1968, nợ nước ngoài đã thấp hơn cho vay, Nhật Bản vươn lên vị trí thứ hai về tổng GDP trong thế giới tư bản. Năm 1982, GDP là 4.177 tỷ USD, bình quân đầu người là 10.326,34 USD, Nhật Bản trở thành cường quốc kinh tế, khẳng

định điều thần kỳ của nước Nhật hậu chiến. Năm 2013 GDP của Nhật Bản là 5.964 tỷ USD, bình quân đầu người là 36.900 USD, tính theo sức mua ngang giá (PPP)⁽²⁾.

2. Bài học về sự thần kỳ Nhật Bản kể cả ở thời Cải cách Minh Trị và cả ở thời Hậu chiến đều giống nhau ở chỗ: tin tưởng mãnh liệt vào ý chí con người, quyết tâm phục hưng các giá trị dân tộc,

^(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Thông tin Khoa học xã hội.

⁽¹⁾ Jared Mason Diamon (1997), giáo sư Đại học California, Los Angeles, người đã được tặng giải thưởng Pulitzer với cuốn “*Guns, Germs, and Steel: The Fates of Human Societies*”, W.W. Norton & Co; Daron Acemoglu, giáo sư kinh tế Viện Massachusetts Boston; James A. Robinson, giáo sư kinh tế và chính trị học tại Đại học Harvard, tác giả cuốn *Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty* nổi tiếng. Xem: Daron Acemoglu và James A. Robinson (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại. Nguồn gốc của quyền lực thịnh vượng và nghèo đói*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh; Jared Diamon (2005), *Collapse: How Societies Choose to Fail or Succeed*, New York: Penguin Books.

⁽²⁾ CIA, OECD, IMF và WB <http://www.indexmundi.com>.

đề cao giáo dục và dân quyền, nghiêm túc cầu thị trong học hỏi văn minh phương Tây, làm chủ bằng được tiến bộ khoa học công nghệ..., nghĩa là biết tôn thờ toàn bộ những nguồn lực thuộc về khoa học xã hội, những phẩm chất thuộc về các giá trị nhân văn. Không phải ngẫu nhiên mà vào thời Minh Trị, những cuốn sách nổi tiếng của Châu Âu như *Self-Help* (Tự cứu mình) của Samuel Smiles, hay *On Liberty* (Về tự do) của John Stuart Mill... đã được dịch sang tiếng Nhật và bán với số lượng hàng triệu bản. Số giờ lên lớp của các nhà tư tưởng nổi tiếng thế giới tại các giảng đường Nhật Bản ngay từ ngày đó đã rất cao, hơn cả một số nước Châu Âu. Bộ C.Mác – Ph.Ăngghen tuyển tập đầu tiên trên thế giới được xuất bản không phải ở Đức, cũng không phải ở Nga mà ở Nhật Bản⁽³⁾. Ngày nay, nhiều ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn, hệ thống thư viện, bảo tàng, các học viện nghệ thuật..., ở Nhật Bản đều rất mạnh. Tự do học thuật được ghi trong Hiến pháp và không phải chỉ ghi cho đẹp, mà là công cụ hữu hiệu để khuyến khích sáng tạo và bảo vệ các nhà khoa học⁽⁴⁾.

3. Xu thế phục hưng của Nhật Bản, ngay từ những năm 1960, đã gây tiếng vọng đến Hàn Quốc, Đài Loan và nhiều nước Châu Á khác, đánh thức khát vọng thoát nghèo ở khu vực này. Hồng Kông, Philippines, Indonesia, Thái Lan, và sau đó là Singapore, Malaysia đã nhận ra tiếng vọng và bắt đầu thấy bức bối với tình trạng lạc hậu. Khi các nền kinh tế giữ được tốc độ tăng trưởng ngày càng ổn định thì giấc mơ “cất cánh” ngày càng hiện rõ và thôi thúc cơn khát phát

triển. Nhưng đến nay chỉ có mấy nước trong số đó “hóa rồng”.

4. Vào năm 1960, GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc chỉ là 82 USD, tương đương hoặc cao hơn Việt Nam lúc đó chút ít; Đài Loan 170 USD, Singapore 394 USD, và Hồng Kông 429 USD. Trừ Hồng Kông là xứ sở thuộc Anh nên có vẻ khá hơn, còn tất cả đều không khác mấy những thôn quê nghèo khó, hay những làng chài tối tăm, những thị trấn chắp vá, nhếch nhác... Dân chúng phần đông mù chữ. Chính thể nóng lạnh vì những vấn đề chính trị và có nơi chao đảo vì những cuộc bạo loạn sắc tộc...

Sau một thời gian rất ngắn, đến năm 1970, GDP bình quân đầu người của Singapore đạt 913,87 USD, Hồng Kông 959,20 USD, Hàn Quốc năm 1975 là 1.310 USD, nghĩa là đã vượt qua ngưỡng bị coi là nước nghèo. Việt Nam vượt qua ngưỡng này cuối năm 2009, trước một năm so với dự kiến.

5. Không rơi vào những cái bẫy của sự phát triển để rồi phải dừng lại ở mức vài nghìn USD đầu người/năm như Philippines, Indonesia, Malaysia và Thái

⁽³⁾ Xem: Nguyễn Xuân Sanh (2012), “Tư duy sách đến khai minh của người Nhật”, <http://hoithao.sachhay.org/2012/05/tu-oc-sach-en-khai-minh-cua-nguoi-nhat.html>, Nguyễn Nam Trân, “Điểm qua những tư trào chi phối văn học Nhật Bản cận đại”, <http://www.erct.com/2-ThoVan/NNT/Tutrao-chiphoi-VanhocNhatban/Tutrao-chiphoi-VanhocNhatban.htm>.

⁽⁴⁾ Điều 23 Hiến pháp Nhật Bản ghi: “Hiến pháp này bảo đảm tự do học thuật”, Điều 2 của Luật cơ bản giáo dục nước này quy định: để thực hiện các mục tiêu giáo dục, nhất thiết phải “Tôn trọng tự do học thuật”, Xem: “Vi sao người Nhật đoạt nhiều giải Nobel?” <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=3602&CategoryID=36>.

Lan, bốn nền kinh tế Châu Á gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Singapore tiếp tục phát triển và đạt ngưỡng bình quân 10.000 USD đầu người chỉ chưa đầy 20 năm sau mốc đầu tiên của thu nhập trung bình. Đó là năm 1987 với Đài Loan, năm 1988 với Hồng Kông, năm 1989 với Singapore và năm 1990 với Hàn Quốc. Cả thế giới giật mình - bốn nền kinh tế Đông Á đã “cắt cánh”, hay còn gọi là “hoá rồng”, trở thành các nước và lãnh thổ công nghiệp hóa mới (NICs⁽⁵⁾), làm nên điều kỳ diệu của Châu Á thế kỷ XX.

Cả thế giới giật mình bởi lẽ, nếu các

nước công nghiệp hóa thế hệ thứ nhất phải mất vài trăm năm, tuần tự đi qua các bước gian truân của chủ nghĩa tư bản với “máu và bùn nhơ rỉ ra ở từ tất cả các lỗ chân lông” của nó (C.Mác⁽⁶⁾), thì NICs chỉ cần hai, ba mươi năm để đi hết chặng đường này. Đến nay, thu nhập quốc dân đầu người của các nước và lãnh thổ này đã ở vào nhóm cao nhất thế giới. Đời sống kinh tế - xã hội có nhiều nét tốt đẹp đáng được ca ngợi. Chỉ số phát triển con người (HDI) và Chỉ số thành bại quốc gia (FSI) của những nước này cũng đạt đến trình độ đáng ngưỡng mộ (Bảng 1).

Bảng 1: GDP, HDI và FSI của Nhật Bản, NICs và Việt Nam năm 2013⁽⁷⁾

Nước/ Vùng lãnh thổ	GDP				HDI (Giá trị từ trên xuống)		FSI (Giá trị từ dưới lên)	
	Số liệu của IMF		Số liệu của CIA		Chỉ số	Xếp hạng	Chỉ số	Xếp hạng
	Σ tỷ USD	Đầu người USD PPP	Σ tỷ USD	Đầu người USD PPP				
Nhật Bản	5.964	36.900	5007	37.100	0,912	10/185	36,1	156/175
Singapore	276,5	61.400	287,4	62.400	0,895	18/185	34,0	158/175
Hongkong	263	52.300	297,7	52.700	0,906	13/185	không có số liệu	
Đài Loan	474,5	39.400	484,7	39.600	không số liệu		không có số liệu	
Hàn Quốc	1.156	32.800	1.198	33.200	0,909	12/185	35,4	157/178
Việt Nam	138,1	3.600	170	4.000	0,617	127/185	73,1	98/178

⁽⁵⁾ Về năm GDP bình quân đầu người của Đài Loan và Hàn Quốc đạt 10.000 USD không thống nhất trong các tài liệu khác nhau. Theo IMF, GDP bình quân đầu người của Đài Loan đạt 10.000 USD năm 1990 và Hàn Quốc năm 1992. Còn theo các tài liệu khác thì Đài Loan năm 1987 và Hàn Quốc năm 1990 hoặc 1991. Tuy nhiên nhanh chậm 1 - 2 năm ở đây không làm thay đổi bản chất vấn đề đang bàn.

⁽⁶⁾ Trong bộ “Tư bản” tập I, C.Mác viết: “Nếu tiền, theo lời của Ogie “ra đời với một vệt máu ở bên má”, thì tư bản mới ra đời lại có máu và bùn

nhờ rỉ ra từ tất cả các lỗ chân lông, từ đầu đến chân” C.Mác – Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 1078.

⁽⁷⁾ Số liệu trong bảng được soạn theo: <http://www.indexmundi.com> (Số liệu của IMF về GDP); <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/fields/2195.html> (Số liệu của CIA về tổng GDP các nước), https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/fields/print_2004.html (Số liệu của CIA về GDP bình quân theo đầu người). UNDP (2013), “Human Development Report”, “The Failed States Index 2013”, <http://ffp.statesindex.org/rankings-2013-sortable>.

6. Nhìn từ lăng kính khoa học xã hội, chặng đường công nghiệp hóa thần tốc ở Đông Á đã đặt ra nhiều vấn đề rất mới đối với việc lựa chọn phương thức phát triển. Nếu Max Weber coi đạo đức Tin Lành là nền tảng tinh thần của chủ nghĩa tư bản Châu Âu ở các nước thế hệ đầu tiên, thì ở Đông Á, tinh thần “sinh lợi” của đạo đức Tin Lành hóa ra lại không phải là chỗ dựa của các quốc gia tư bản chủ nghĩa. Đã hơn hơn 20 năm kể từ lúc 4 con rồng xuất hiện, tới nay, “bước nhảy ngoạn mục” của NICs Đông Á vẫn là liều thuốc kích thích, gây ấn tượng mạnh đối với các nước đi sau:

- Không nhất thiết phải qua hàng trăm năm tích lũy và cải tạo tư bản chủ nghĩa như Châu Âu, các nước đi sau có thể nhanh chóng tiến tới thịnh vượng và phồn vinh trong một xã hội công nghiệp.

- Không nhất thiết phải có nguồn lực tự nhiên giàu có và đa dạng, cũng không nhất thiết phải có nguồn lực tư bản tích lũy đủ lớn, trong xã hội hiện đại, con người và văn hóa chính là những nguồn lực quan trọng và quyết định.

- Không nhất thiết phải chịu sự trói buộc của thực trạng kinh tế, hoặc chỉ là “đầu ra” của nền kinh tế, ngày nay, giáo dục là nền tảng và là chìa khóa của sự phát triển.

- Không nhất thiết hiện đại hóa phải đồng nhất với phương Tây hóa, các nước đi sau có thể và cần phải tìm những con đường riêng của mình để trở thành một xã hội hiện đại.

- Không nhất thiết phải phá bỏ các giá trị cũ hoặc “cứng nhắc rập khuôn”

các giá trị mới. Trong tương quan với các giá trị ngoại sinh, giá trị truyền thống có thể hóa thân thành sức mạnh mới - hiếu học, cần cù, đồng thuận và trách nhiệm xã hội... là những giá trị không bao giờ cũ.

7. Những kết luận này được rút ra bởi các khoa học xã hội. Và, đó cũng là những tri thức có ý nghĩa thời đại của khoa học xã hội.

Nói tới khoa học xã hội là nói tới con người, xã hội và văn hóa. Hay chính xác hơn, *con người, xã hội và văn hóa* là khách thể bao gồm các đối tượng nghiên cứu của các khoa học xã hội và nhân văn. Khi nghiên cứu các đối tượng đặc thù của mình, cuối thế kỷ XX, khoa học xã hội và nhân văn đã làm sâu sắc thêm sự bí ẩn của nhân tố con người với tính cách là mục tiêu và động lực của sự phát triển – chính con người và “sự phát triển tự do của con người” (C.Mác⁽⁸⁾) chứ không phải những con số ấn tượng về GDP, tốc độ tăng trưởng hay những tiện nghi hiện đại về văn minh vật chất, mới là mục tiêu tối thượng của sự phát triển, mới giữ vị trí là trung tâm của sự phát triển. Ngày nay, khoa học xã hội khẳng định rằng, *con người với trí tuệ của mình là nguồn lực càng khai thác lại càng giàu thêm*, trong khi các nguồn lực khác càng khai thác thì trái đất càng nhanh cạn kiệt.

⁽⁸⁾ “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”, C.Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t. 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 628.

Ngày nay, khoa học xã hội có những công cụ lý thuyết đủ mạnh giúp chính phủ lựa chọn phương án tối ưu để phát triển, tránh theo đuổi bằng mọi giá mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà bỏ quên con người. Con người được nhấn mạnh là động vật vừa sinh học vừa xã hội, vừa cá nhân lại vừa cộng đồng, vừa muốn vượt lên khỏi đám đông lại vừa muốn đứng giữa đám đông... Bởi vậy, đói nghèo và thất học, bệnh tật và tệ nạn xã hội, tha hóa và lợi ích nhóm... vừa là việc của cá nhân, cộng đồng vừa là việc của các chính phủ. Khoa học xã hội còn đủ duy lý để tư vấn ai là chủ thể hợp lý và có thẩm quyền để giải quyết hữu hiệu các bài toán xã hội - việc nào là của chính phủ, việc nào là của gia đình, thậm chí việc nào thì bố mẹ cũng không nên can thiệp vào chuyện của con cái.

8. Với văn hóa, khoa học xã hội ngày nay cũng nhận thức về nó với quan điểm phải nói là cách mạng. Khái niệm văn hóa có từ rất sớm nhưng văn hóa học, xã hội học văn hóa và quan điểm coi văn hóa là nhân tố bên trong của sự phát triển, có khả năng quy định diện mạo của tương lai... thì mới xuất hiện chưa lâu. Đầu thế kỷ XXI, khoa học xã hội còn nhìn ra vị thế của văn hóa với tính cách là sức mạnh mềm của các quốc gia. Sức mạnh mềm có thể thua súng đạn hay thậm chí sự xâm lược (sức mạnh cứng) trong việc giải quyết các vấn đề tình huống, tức thời nhưng sức mạnh mềm lại là cái có khả năng mang lại sự phát triển bền vững. Văn hóa không chỉ

là sản phẩm của sản xuất xã hội, mà còn là cái nằm ở tầng sâu của đời sống xã hội. Nó quy định chiều hướng, cách thức, và diện mạo của sự phát triển. Nghĩa là dù phát triển đến trình độ nào, con người và cộng đồng của mỗi xã hội vẫn chỉ có thể cảm thấy an toàn và tiến bộ khi phát triển không thoát ly khỏi bản sắc truyền thống, không đứt gãy với lịch sử, không quay lưng lại với giá trị chung toàn nhân loại và không xa rời những khuynh hướng nhân đạo. Các quốc gia thành công đều là các xã hội vừa hiện đại vừa truyền thống, vừa bứt phá vừa kế thừa, vừa tâm linh vừa thể tục, vừa độc đáo vừa không ngoại lệ... “Không giống ai” và “không còn là mình” đều là các thái cực nguy hiểm.

9. Trong hoạt động kinh tế, khoa học xã hội dù vẫn bị chê trách đủ điều, nhưng thực ra đã đạt tới những trình độ rất cao về chiến lược và sách lược huy động các nguồn lực, về những nguyên nhân đích thực của tăng trưởng, về những kiểu tăng trưởng không lành mạnh, về dự báo các bất tăng trưởng, về những giải pháp kết hợp giữa bàn tay vô hình của thị trường với sự điều tiết vĩ mô có chủ đích của Nhà nước... Trong quan hệ với giấc mơ thịnh vượng của các quốc gia, khá nhiều nguyên nhân dẫn đến thất bại mà kinh tế học và các khoa học xã hội khác đã chỉ ra, vẫn chưa được chú ý thỏa đáng. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân vẫn là nhận thức yếu kém hoặc bị cám dỗ bởi lợi ích vụ lợi mà các chính sách đôi khi lại “vác đá tự

ghè chân mình”, còn quốc gia thì bỏ lỡ cơ hội thành công.

Bài học lịch sử và bài học kinh nghiệm, trong cái nhìn của khoa học xã hội, luôn luôn gợi ý các giải pháp và cung cấp những tư vấn sáng suốt cho hiện tại, nhất là các hiện tại nóng bỏng. Khoa học xã hội đã chỉ ra rằng: đối với rất nhiều bài học của quá khứ, thậm chí những bài học được trả giá rất đắt trong quá khứ, con người hiện tại vẫn quên một cách “vô tình” hay “vẫn không thuộc bài” và rồi lại phải trả giá đắt hơn.

10. Philippines và Thái Lan là các nước đã có lúc được dự báo sẽ “hóa rồng”, “hóa hổ” nhưng đến nay, vẫn chưa “cất cánh” để trở thành những nước công nghiệp hóa. Năm 1961, bình quân GDP đầu người của Philippines là 260 USD. Con số này, là một sự khích lệ, vì khá hơn so với nhiều nước Châu Á thời ấy, đủ để kích thích khát vọng thoát nghèo và phát triển. Nhưng những năm sau đó, chủ yếu do những nguyên nhân chính trị, mọi cố gắng vĩ mô đều ít hiệu quả. Kinh tế tăng giảm thất thường, có năm GDP bình quân đầu người chỉ còn 172 USD. Phải đến thời kỳ Fidel Ramos lên làm Tổng thống (1992-1998), Philippines mới bắt đầu trỗi dậy, trở thành quốc gia có nền chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống xã hội khởi sắc. Thời kỳ này, GDP của Philippines tăng đáng kể, từ 710,47 USD/người năm 1991 (1881,827 USD tính theo PPP) đến năm 1994 đã vượt quá 1.000 USD và đến năm 1996 đạt gần 1.200 USD

(2232,211 USD tính theo PPP)⁽⁹⁾. Đầu những năm 1990, Philippines được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá sẽ là con hổ tiếp theo của Châu Á.

11. Tuy vậy, xã hội Philippines dường như luôn có xu hướng đi theo “một quán tính chết người” hình thành từ khi Ferdinand Marcos (1965-1986), vị Tổng thống chuyên quyền bậc nhất trong lịch sử Philippines lên cầm quyền. Đó là sự đối đầu giữa các lực lượng xã hội đã bị phân hoá sâu sắc. Một bên là đông đảo người nghèo, không có hay ít có cơ hội trở thành giàu có (trong những năm 2000 - 2007, tỷ lệ người sống dưới ngưỡng nghèo 1,25 USD người/ngày là 22,6%; tỷ lệ dưới ngưỡng nghèo 2 USD người/ngày là 45%; tỷ lệ người nghèo theo chuẩn quốc gia của Philippines là 25,1%⁽¹⁰⁾). Một bên là tầng lớp thượng lưu, gồm những người giàu, các sĩ quan cao cấp trong quân đội (luôn có hai phe kình địch nhau giữa ủng hộ người đương nhiệm và ủng hộ người tiền nhiệm) và tầng lớp giáo sỹ với đa số ủng hộ người nghèo và một số ủng hộ giới thượng lưu. Nhiều tổ chức quốc tế đánh giá, trong giới chức Philippines luôn có những người tham nhũng, thiếu trách nhiệm. Chính phủ thời nào cũng bị chê là yếu kém, không đảm đương được các sứ mệnh quốc gia, bị thao túng bởi các

⁽⁹⁾ [http://www.indexmundi.com/philippines/gdp_per_capita_\(ppp\).html](http://www.indexmundi.com/philippines/gdp_per_capita_(ppp).html).

⁽¹⁰⁾ UNDP, *Human Development Report 2009*, tr. 177.

nhóm lợi ích kiều tư bản thân hữu (từ những năm 1980 trở lại đây, theo ước tính, hàng năm GDP của Philippines thường thất thoát khoảng 10% do tham nhũng và chủ nghĩa tư bản thân hữu⁽¹¹⁾). Quan chức chính phủ nôm nớp trong tình trạng nghi kỵ. Lòng tin của dân chúng vào vào chính thể không nhiều. Và, chính trường luôn rình rập nguy cơ đảo chính.

Điều đó có thể giải thích được tại sao một đất nước được tin tưởng là đang cất cánh, lại bị chững lại khoảng hơn 10 năm và đến nay nền kinh tế vẫn dưới mức GDP bình quân đầu người 2.000 USD (2013: 4.500 USD tính theo PPP).

12. Tương tự như trường hợp Philippines là Thái Lan, mặc dù về một số phương diện, Thái Lan có điều kiện thuận lợi hơn.

Là một nước nông nghiệp truyền thống, từ năm 1965 Thái Lan đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo; mỗi năm Thái Lan xuất ra thị trường thế giới khoảng 8 - 10 triệu tấn. Với ý chí phát triển khá mạnh mẽ, từ những năm 1970, Thái Lan đã rất chú ý đến công nghiệp và thực hiện chính sách “hướng vào xuất khẩu”. Từ năm 1988 đến năm 1996, kinh tế Thái Lan liên tục tăng trưởng cao với tốc độ 9,4%/ năm. Lúc đó, cất cánh chỉ còn là vấn đề thời gian.

Nhưng khủng hoảng tài chính 1997-1998 lại bắt đầu từ đây. Năm 1996, nợ của khu vực tư nhân của Thái Lan lên đến 140,9% GDP. Tháng 7 năm 1997, các đợt tấn công vào đồng Baht khiến Thái Lan buộc phải thả nổi tỷ giá.

Khủng hoảng nhanh chóng lan ra toàn Châu Á và nhiều nước khác. Khi một lượng khá lớn vốn nước ngoài đột ngột rút đi, những “bong bóng” của nền kinh tế Thái Lan lộ ra và thi nhau tan vỡ. Giữa “thanh thiên bạch nhật”, không có chiến tranh, không có thiên tai, không có các kẻ thù hữu hình truyền thống khác, mà Thái Lan thiệt hại khoảng 80 tỷ USD, đồng Baht Thái Lan mất giá 44%.

13. Nhiều người nói rằng, cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997-1998 đã làm gục ngã “con hổ tương lai” Thái Lan. Tuy vậy, một số ý kiến khác lại muốn cất nghĩa sự chưa thành công của Thái Lan bằng những nguyên nhân chính trị. Đảo chính là logic chính trị thường trực của chính trường Thái Lan. Từ năm 1932 đến năm 2006, khi Thaksin Shinawatra mất chức và phải sống lưu vong, tại Thái Lan đã xảy ra 17 cuộc đảo chính, trong đó có 10 lần “thành công”. Cũng từ năm 2006 tính đến tháng 5 năm 2014 khi bà Yingluck Shinawatra bị phế truất phải rời ghế Thủ tướng, đã có 8 thủ tướng liên tiếp thay nhau kế nhiệm, nhưng bất ổn xã hội không vì thế mà dịu đi mà dường như lại còn lan rộng. Có người đã cố truy tìm nguyên nhân của những hỗn loạn ấy “ở hai chữ dân chủ, nhưng nền dân chủ không có lỗi vì

⁽¹¹⁾ Xem: Philippines 6th in world for Marcos era-like crony capitalism. <http://www.philstar.com/headlines/2014/03/19/1302693/philippines-6th-world-marcos-era-crony-capitalism>, The Philippines: The Marcos Years. <http://www2.gwu.edu/~nsarchiv/nsa/publications/philippines/philippines.html>.

những hỗn loạn ấy, lỗi nằm ở chính điều ngược lại”⁽¹²⁾.

Giấc mơ hoá rồng của Thái Lan đã tạm xa vời, dù kinh tế mấy năm nay vẫn có những dấu hiệu tích cực. Năm 2008, GDP bình quân đầu người Thái Lan đã vượt quá mốc 4.000 USD. Với các nước đang phát triển, nhiều người thích nghe con số GDP đầu người theo PPP. Với cách tính này người ta thường nhắc đến con số 8.400 USD chứ không phải 4.043 USD của Thái Lan năm 2008. Còn năm 2013 theo số liệu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) thì GDP bình quân đầu người của Thái Lan là 10.300 USD tính theo PPP, tính tổng thể là 365,6 tỷ USD tính theo PPP⁽¹³⁾.

14. Có khá nhiều lý do khiến quan điểm dù cực đoan nhất cũng chưa thể nói Thái Lan và Philippines là các quốc gia thất bại. Nền kinh tế xã hội hai nước này những năm gần đây có nhiều thay đổi tích cực; vị thế quốc tế cũng khác những năm 1990. Trong hoạt động khoa học - giáo dục, hệ thống đại học và kết quả nghiên cứu khoa học của Thái Lan và Philippines cũng mạnh hơn so với Việt Nam và các nước thuộc khu vực⁽¹⁴⁾. Tuy vậy, cũng cần nghiêm khắc với các kế sách phát triển khi Quỹ vì Hòa bình, tổ chức nghiên cứu chỉ số thành bại quốc gia (FSI) xếp Thái Lan và Philippines cùng với Việt Nam và hàng chục nước khác, vào diện cần phải cảnh giác (Warning) trong 178 nước được đo đạc về chỉ số này năm 2013. Chỉ số thành bại quốc gia năm 2013 của Thái

Lan là 75,1 đứng thứ 90/178 quốc gia, Philippines là 82,8 đứng thứ 59/178, Việt Nam là 73,1 đứng thứ 97/178 quốc gia. Nghĩa là trong ba nước này, Philippines rất gần với thất bại. Khá hơn Philippines 31 bậc là Thái Lan, Trung Quốc và Nga. Khá hơn Thái Lan 7 bậc là Việt Nam. Việt Nam cách nước thất bại nhất Somalia là 97 bậc, cách nước thành công nhất Phần Lan là 81 bậc⁽¹⁵⁾.

15. Sự thành bại của các quốc gia, vấn đề tưởng như xưa cũ nhưng lại là một đối tượng nghiên cứu mới của khoa học xã hội. Tại sao đa số các quốc gia thất bại và tại sao chỉ một số ít quốc gia thành công? Câu hỏi này đặt ra một cách gay gắt đối với các chính phủ, các chính khách và các nhà khoa học xã hội, nhất

⁽¹²⁾ Khánh Duy, “Thái Lan: Quân chủ, dân chủ và vô chủ”, <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-04-15-thai-lan-dan-chu-quan-chu-va-vo-chu>.

⁽¹³⁾ http://www.indexmundi.com/thailand/gdp_real_growth_rate.html.

⁽¹⁴⁾ Xem: “So sánh số lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế của Việt Nam và các nước trong khu vực trong 5 năm gần đây (2008-2012)”, <http://www.hcdgsmn.gov.vn/news/detail/tabid/77/newsid/331/seo/So-sanh-so-luong-bai-bao-dang-tren-tap-chi-khoa-hoc-quoc-te-cua-Viet-Nam-va-cac-nuoc-trong-khu-vuc-trong-5-nam-gan-day-2008-2012-/language/vi-VN/Default.aspx>, “Sự hiện diện của khoa học xã hội Việt Nam trên trường quốc tế”, <http://gas.hoasen.edu.vn/vi/gas-page/toa-dam-su-hien-dien-cua-khoa-hoc-xa-hoi-viet-nam-tren-truong-quoc-te>, Nguyễn Văn Tuấn (2014), “Năng suất khoa học Việt Nam (2009 - 2013)”, <http://www.nguyenvantuan.org/In/nang-suat-khoa-hoc-viet-nam-20092013.aspx>.

⁽¹⁵⁾ Chỉ số FSI đo đạc theo điểm số thất bại: chỉ số càng cao, mức độ thành công càng thấp. <http://ffp.statesindex.org/rankings-2013-sortable>.

là đối với những người có tâm huyết. Điều thú vị là, câu hỏi này vượt ra khỏi phạm vi khám phá về sự *thịnh suy* của các quốc gia trong các nghiên cứu sử học, chính trị học hay triết học... Câu hỏi này cũng vượt ra khỏi phạm vi nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành về *tăng trưởng, phát triển và phát triển bền vững*, hay về *phát triển và tiến bộ xã hội*. Khoảng mười năm gần đây, câu hỏi này đã trở thành một đối tượng nghiên cứu tương đối độc lập của khoa học xã hội mà phương pháp nghiên cứu ở đây chủ yếu là liên ngành và đa ngành. Không ai dám tự nhận mình là cha đẻ của hướng nghiên cứu này, nhưng nhắc tới chủ đề về sự thành bại của các quốc gia, các nhà khoa học thường không quên những tên tuổi tầm cỡ như Jared Diamon – giáo sư Địa lý tại Đại học California, Daron Acemoglu – giáo sư Kinh tế Viện Massachusetts Boston, James A. Robinson – giáo sư Kinh tế và chính trị học tại Đại học Harvard⁽¹⁶⁾, và nhóm các tác giả thuộc *Quỹ Hoà bình*. Đó là những tác giả thực sự có công trong việc trả lời câu hỏi tại sao các quốc gia thất bại hay thành công. Những tác phẩm của họ dù chưa nhiều và không tránh khỏi bị phê phán, nhưng đã khám phá được những chiều cạnh bản chất của vấn đề với những lý giải thú vị, thu hút được sự chú ý của các chính khách và kích thích nhiều nhà khoa học khác trên toàn thế giới đi sâu hơn vào chủ đề này, đặc biệt vào những vấn đề của quốc gia mình.

16. Trong số những nghiên cứu về sự thành bại của các quốc gia, ở bài viết này, chúng tôi xin lưu ý đặc biệt đến công trình nghiên cứu định lượng của *Quỹ vì Hoà bình*. Kể từ năm 2005, thường niên trên tạp chí *Foreign Policy* nổi tiếng của Mỹ, Quỹ này đã công bố Bảng xếp hạng các quốc gia được đánh giá theo, FSI⁽¹⁷⁾, cho đúng với tinh thần của nhóm nghiên cứu này.

Chỉ số FSI tổng hợp 90.000 nguồn dữ liệu định lượng của gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Chỉ số FSI được các chuyên gia thiết kế gồm 12 Chỉ báo, đánh giá 3 lĩnh vực là xã hội, kinh tế và chính trị theo nguồn dữ liệu thu thập được. 12 chỉ báo đo sự thất bại của các quốc gia gồm 4 chỉ báo xã hội, 2 chỉ báo kinh tế, 6 chỉ báo chính trị⁽¹⁸⁾. Mỗi chỉ báo được đo theo thang 10 điểm; điểm cao hơn phản ánh tình huống có vấn đề nhiều hơn, tức là độ

⁽¹⁶⁾ Xem: Chú thích 1.

⁽¹⁷⁾ Xem: The Failed States Index. <http://ffp.statesindex.org>.

⁽¹⁸⁾ 4 Chỉ báo xã hội gồm: 1/ Áp lực gia tăng dân số; 2/ Sự di dân, những nguy cơ nhân đạo; 3/ Các nhóm thù địch xã hội, các nhóm cuồng tín (paranoia); 4/ Dân di tản trốn hoàn cảnh sống trong nước. 2 Chỉ báo kinh tế gồm: 1/ Trình độ phát triển kinh tế chênh lệch theo các nhóm dân; 2/ Suy thoái kinh tế. 6 Chỉ báo chính trị gồm: 1/ Mức độ tham nhũng của chính quyền; 2/ Tình trạng yếu kém của các dịch vụ công; 3/ Sự yếu kém của luật pháp, độc đoán trong chấp hành luật pháp, vi phạm nhân quyền; 4/ Sự vận hành các cơ quan an ninh “nhà nước bên trong nhà nước”; 5/ Tình trạng bỏ ra nước ngoài của nhân tài; 6/ Mức độ can thiệp của nước ngoài hoặc thế lực chính trị bên ngoài. Xem: <http://ffp.statesindex.org>.

thất bại lớn hơn. Điểm thấp hơn là điểm ít có vấn đề ít hơn, ít thất bại hơn, tức là điểm thành công lớn hơn. Tổng điểm của 12 chỉ báo này là tổng số điểm đánh giá mức độ thất bại, tức chỉ số FSI của quốc gia được đo đạc.

Các quốc gia thất bại, theo các nhà thiết kế chỉ số FSI, là các quốc gia có số điểm có vấn đề lớn, đang trở thành mối quan ngại cho chính quốc gia đó và cho cộng đồng quốc tế. Đó là các quốc gia có nền kinh tế phát triển không đồng đều hoặc suy thoái, chính trị yếu kém, xã hội có nhiều bất công, bất ổn hoặc hỗn loạn, v.v.. Các quốc gia thất bại cũng là các quốc gia có nhà cầm quyền yếu kém.

Trong bảng chỉ số FSI, căn cứ vào tổng số điểm, các quốc gia được chia thành 4 loại: *báo động* (Alert): có điểm số FSI từ 90 điểm trở lên; *cảnh giác* (Warning): có điểm số FSI từ 60 đến 90 điểm; *vừa phải* (Moderate): có điểm số 30 đến dưới 60 điểm; *bền vững* (Sustainable): dưới 30 điểm, là các nước ít vấn đề nhất, thành công nhất. Theo quy ước, 60 quốc gia có tổng số điểm FSI cao nhất bị coi là *nhóm quốc gia thất bại*.

Dĩ nhiên, khám phá về xã hội và con người thông qua các chỉ số cơ học khó tránh khỏi những hạn chế của nghiên cứu định lượng. Hơn thế nữa, tổng 12 chỉ báo có thể vẫn còn là phiến diện so với sự thành bại phức tạp, đôi khi đầy máu và nước mắt của mỗi quốc gia. Tuy vậy, kể từ khi công bố lần đầu năm

2005, chỉ số FSI và bảng xếp hạng sự thành bại của các quốc gia đã gây được sự quan tâm ngày càng lớn của cộng đồng quốc tế. Sẽ là rất hữu ích nếu khoa học xã hội sử dụng những kết quả nghiên cứu này để tư vấn cho các quốc gia. Và, sẽ là vô cùng có ý nghĩa nếu các chính phủ chú ý tham khảo những kết quả nghiên cứu này cho việc hoạch định và điều chỉnh chính sách ở nước mình.

17. Mặc dù trong thiết kế chỉ số FSI, các dữ liệu về bẫy thu nhập trung bình không được tính toán như là các yếu tố cấu thành của chỉ số này, nhưng mấy năm gần đây, khoa học xã hội, đặc biệt khoa học xã hội ở Việt Nam, lại nói nhiều đến *bẫy thu nhập trung bình* và coi đó là tình huống đáng ngại, ngăn trở bước hóa rồng của các nước đã từng có tốc độ tăng trưởng tích cực như: Philippines, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Brasil và Peru... Đây là những nước đã được dự báo sẽ sớm “cắt cánh”, nhưng nhiều năm qua GDP vẫn trôi sụt nằm ngoài dự báo, quản lý vĩ mô chưa hiệu quả, nền kinh tế - xã hội có nhiều “điểm nghẽn”, và kết cục là chưa đi tới thịnh vượng. Nguyên nhân được xem là đã vướng bẫy thu nhập trung bình.

Về đại thể, bẫy thu nhập trung bình là tình huống mà ở đó nền kinh tế không còn quá nghèo để phải thắt lưng buộc bụng, nhưng cũng chưa đủ giàu và chưa đủ ý chí để đồng loạt thay đổi công nghệ, thay đổi phương thức tăng trưởng...

ép nền kinh tế phải bứt phá để đạt tới trình độ cao hơn. Sự tiếc nuối lợi ích trước mắt, sự kém quyết đoán cho lợi ích của thế hệ sau, sự hoài nghi về độ an toàn của bước nhảy sinh mệnh... là những lý do mà khoa học xã hội đã chỉ ra, có thể khiến nền kinh tế lún quẩn trong bẫy thu nhập trung bình vài năm hoặc tệ hơn là vài chục năm.

Việt Nam, tuy hoàn cảnh khắc nghiệt hơn những nước vừa nêu, nhưng cách đây ít lâu cũng đã từng được dự báo là “con hổ trẻ” và mục tiêu là đến năm 2020 sẽ cơ bản trở thành nước công nghiệp. Đầu năm 2014, sự chững lại của tốc độ tăng trưởng kinh tế và những điểm nghẽn của nền kinh tế vài năm gần đây đã khiến một vài học giả xếp Việt Nam vào diện đã sa bẫy thu nhập trung bình, nhưng khá nhiều học giả khác lại thấy kết luận như thế là chưa thuyết phục⁽¹⁹⁾. Đến nay, GDP thực tế của Việt Nam mới là hơn 1000 USD đầu người/năm, tính theo PPP thì khoảng hơn 3000 USD đầu người/năm⁽²⁰⁾. Con đường đạt tới 10.000 USD đầu người/năm còn rất xa.

Khát vọng phát triển xưa nay luôn là tâm thế thường trực của tất cả các quốc gia và của hầu hết các chính phủ. Nhưng ở mỗi thời đại lại thường chỉ có một số ít quốc gia đạt tới thịnh vượng. Và ngay cả khi đã đạt tới thịnh vượng, cũng không nhiều quốc gia giữ được thịnh vượng bền vững. Ngày nay, phần lớn các quốc gia lầy lừng trong quá khứ đều đã lùi lại nhường chỗ cho các quốc

gia khác vượt lên. Đế quốc Ba Tư và Hy Lạp cổ đại, đế quốc La Mã và đế quốc Nguyên Mông, Nền văn minh Maya và Pompia, Chủ nghĩa tư bản Anh và Pháp cận hiện đại, kể cả Liên bang Xô Viết trước đây... là những trường hợp như vậy.

Khoảng 20 năm gần đây, ở Châu Á, tầm gương của NICs đã trở thành sức ép đối với các nước đi sau. Giấc mơ thoát nghèo và khát vọng phát triển ám ảnh nhiều quốc gia, nhất là các quốc gia đã một thời từng không thua kém gì các con rồng khối NIC như Việt Nam. Không nhất thiết phải giàu tài nguyên, không nhất thiết phải có quá khứ tư bản chủ nghĩa, ngày nay, chỉ cần vài ba chục năm, các nước đi sau có thể đến với công nghiệp hóa, nhờ những nhân tố thuộc về con người, thuộc về tri thức và thuộc về quản lý vĩ mô. Con người, tri thức và quản lý vĩ mô lại là những bài học có vẻ cũng không đến nỗi quá khó trong các tài liệu khoa học xã hội.

⁽¹⁹⁾ Xem: Tư Giang (2014), “Giáo sư Nhật báo vệ quan điểm Việt nam rơi vào bẫy thu nhập trung bình”, <http://www.thesaigontimes.vn/113445/Giao-su-Nhat-bao-ve-quan-diem-%22VN-roi-vao-bay-thu-nhap-trung-binh%22.html>, Hồ Sĩ Quý (2009), “Khát vọng phát triển và bẫy thu nhập trung bình”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, Số 12.

⁽²⁰⁾ Số liệu của IMF về GDP bình quân đầu người thực tế của Việt Nam năm 2011 là 1.407,11 USD; năm 2012 là 3.600 USD tính theo PPP. (IMF cập nhật 2013. Không có số liệu mới hơn). Xem: <http://www.indexmundi.com/facts/vietnam/gdp-per-capita>.

Quy luật giản đơn này có đầy tính tất yếu, tính phổ biến của nó. Thế nhưng, không phải các nước đi sau cứ học thuộc lòng quy luật này là đất nước tự khắc phát triển hóa rồng.

Tài liệu tham khảo

1. Acemoglu, Daron và James A. Robinson (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại, Nguồn gốc của quyền lực thịnh vượng và nghèo đói*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Diamon, Jared Mason (2007), *Guns, Germs, and Steel: The Fates of Human Societies*. W.W. Norton & Co.

3. Diamon, Jared Mason (2005), *Collapse: How Societies Choose to Fail or Succeed*, New York: Penguin Books.

4. Khánh Duy, “Thái Lan: Quân chủ, dân chủ và vô chủ”, <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-04-15-thai-lan-dan-chu-quan-chu-va-vo-chu>.

5. Tư Giang (2014), “Giáo sư Nhật bảo vệ quan điểm Việt Nam rơi vào bẫy thu nhập trung bình”, <http://www.thesaigontimes.vn/113445/Giao-su-Nhat-bao-ve-quan-diem-%22VN-roi-vao-bay-thu-nhap-trung-binh%22.html>.

6. C.Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. C.Mác – Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập, tập 23*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. “Philippines 6th in world for Marcos era-like crony capitalism”, <http://www.philstar.com/headlines/2014/03/19/1302693/philippines-6th-world-marcos-era-crony-capitalism>.

9. Hồ Sĩ Quý (2009), “Khát vọng phát triển và bẫy thu nhập trung bình”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, Số 12.

10. Nguyễn Xuân Sanh (2012), “Tù đọa sách đến khai minh của người Nhật”, <http://hoithao.sachhay.org/2012/05/tu-oc-sach-en-khai-minh-cua-nguoi-nhat.html>.

11. HĐCDGSNN (2013), *So sánh số lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế của Việt Nam và các nước trong khu vực trong 5 năm gần đây (2008-2012)*, <http://www.hdcgdsnn.gov.vn/news/detail/tabid/77/newsid/331/seo/So-sanh-so-luong-bai-bao-dang-tren-tap-chi-khoa-hoc-quoc-te-cua-Viet-Nam-va-cac-nuoc-trong-khu-vuc-trong-5-nam-gan-day-2008-2012-/language/vi-VN/Default.aspx>.

12. “Sự hiện diện của khoa học xã hội Việt Nam trên trường quốc tế”, <http://gas.hoasen.edu.vn/vi/gas-page/toa-dam-su-hien-dien-cua-khoa-hoc-xa-hoi-viet-nam-tren-truong-quoc-te>.

13. “The Failed States Index 2013”, <http://ffp.statesindex.org/rankings-2013-sortable>.

14. “The Philippines: The Marcos Years”. <http://www2.gwu.edu/~nsarchiv/nsa/publication/s/philippines/philippines.html>.

15. Nguyễn Nam Trân, “Điểm qua những tư trào chi phối văn học Nhật Bản cận đại”, <http://www.erct.com/2-ThoVan/NNT/Tutrao-chiphoi-VanhocNhatban/Tutrao-chiphoi-VanhocNhatban.htm>.

16. Nguyễn Văn Tuấn (2014), “Năng suất khoa học Việt Nam (2009 - 2013)”, <http://www.nguyenvantuan.org/In/nang-suat-khoa-hoc-viet-nam-20092013.aspx>

17. UNDP, *Human Development Report*, 2009, 2013.

18. “Vì sao người Nhật đoạt nhiều giải Nobel?” <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=3602&CategoryId=36>.

